

Bản án số: 104/2019/HC-PT

Ngày: 11/03/2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính về việc giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐPT-HC ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Ông Võ Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Trần Đức H, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2017) có mặt.

Địa chỉ: đường C, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Người bị kiện:***

***2. 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).***

Địa chỉ: đường Ng, phường V, thành phố R1, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Phùng Quốc B - Phó Giám đốc Sở T tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đinh Khoa T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn Dương Đông, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

3/. *Người kháng cáo:*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo đơn khởi kiện của ông Võ Văn H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:

Vào năm 2009 ông có nhận chuyển nhượng lại của ông Phạm Hồng D một phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang, thửa đất này do ông D nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Ch, thửa đất của ông nhận chuyển nhượng lại của ông D nằm trong phần đất có diện tích 21.673,3m<sup>2</sup> do ông Ch khai khẩn vào năm 1992.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông canh tác trồng đào, xà cừ và trầm bông vàng, quá trình ông sử dụng đất ổn định hàng năm, không có tranh chấp với ai và cũng không có cơ quan Nhà nước nào đến lập biên bản hay xử phạt gì việc ông sử dụng đất. Theo ông biết năm 2003 có đoàn Thanh tra tỉnh Kiên Giang đến đo đạc kiểm tra và lập danh sách thì ông Ch có kê khai đứng tên diện tích 13.600m<sup>2</sup>, trong đó có phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> đã chuyển nhượng cho ông. Đến ngày 30/7/2004 UBND huyện ra Quyết định số: 2574/QĐ-UBND thu hồi diện tích 13.600m<sup>2</sup> của ông Trần Văn Ch chiếm sử dụng giao cho UBND xã G và Vườn Quốc gia P quản lý, ông Ch không chấp hành giao đất mà tiếp tục sử dụng cho đến nay.

Ngày 30/01/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 304/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với Dự án Khu vườn tổng hợp nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao biển đảo P tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11/3/2013 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 1506/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông H với số tiền 23.152.000 đồng về câu trồng, hoa màu trên đất, không bồi thường, hỗ trợ về đất đai nên ông H làm đơn khiếu nại đến UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06/10/2015 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 4663/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số: 1506/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông H là đúng quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H. ông H không đồng ý với Quyết định trên nên tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02/6/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Quyết định số: 1291/QĐ-UBND giải quyết công nhận Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và không chấp nhận khiếu

nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 8000m<sup>2</sup> của ông Võ Văn H.

Ngày 16/12/2016 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 7430/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Võ Văn H để thực hiện Dự án Khu vườn tổng hợp nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao biển đảo P tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16/01/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 215/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu vườn tổng hợp nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao biển đảo P tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho ông H với số tiền 432.000.000 đồng về hỗ trợ đất đai.

Nhận thấy, việc UBND huyện P hỗ trợ về đất đai chứ không bồi thường quyền sử dụng đất cho ông là chưa đúng quy định của pháp luật, vì đất của ông nhận chuyển nhượng lại có nguồn gốc sử dụng đất từ năm 1992, chứ không phải đất do bao chiếm.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H.

Đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải xem xét lại thời gian sử dụng đất của ông H để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H đối với phần đất bị thu hồi theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, vì đất của ông H năm 2016 UBND huyện P mới ban hành Quyết định thu hồi đất.

*Tại văn bản số: 1876/UBND-NCPC ngày 09/11/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến như sau:*

Việc ông Võ Văn H cho rằng ông Trần Văn Ch khai phá diện tích 8000m<sup>2</sup> vào năm 1992 là không có cơ sở, bởi các tài liệu, chứng cứ thu thập được đều xác định ông Ch vào phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> vào năm 1994, cụ thể được bản thân ông Ch thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 10/11/2003 và một số hộ dân cổ cự ở địa phương xác nhận. Do đó, Việc ông H yêu cầu bồi thường về quyền sử dụng đất là không phù hợp tại khoản 1, Điều 42 Luật Đất đai năm 2003. Vì việc sử dụng diện tích đất 8.000m<sup>2</sup> của ông Trần Văn Ch bao chiếm đất Nhà nước vào năm 1994 và đã bị thu hồi vào năm 2004; Việc sử dụng diện tích đất trên của ông Võ Văn H do nhận chuyển nhượng trái phép, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điều 50 luật đất đai năm 2003, thuộc trường hợp không được bồi thường về đất.

Tuy diện tích đất 8.000m<sup>2</sup> nêu trên không đủ điều kiện bồi thường quyền sử dụng đất nhưng thuộc trường hợp được hỗ trợ bằng 60% giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại đoạn 1, Điểm b, khoản 2, Điều 1 Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện P, tỉnh Kiên Giang và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xem xét, giải quyết tại Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015. Do đó, việc

Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016, giải quyết công nhận Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 8000m<sup>2</sup> của ông Võ Văn Hùng là đúng quy định của pháp luật.

Từ cơ sở trên, việc ông Võ Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang là không phù hợp với quy định của pháp luật.

*Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H.*

Ngày 01/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án do ông Võ Văn H khởi kiện, tại thông báo thụ lý Tòa án có yêu cầu người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện P trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án người bị kiện phải có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo gửi cho Tòa án. Nhưng người bị kiện không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Đến ngày 30/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiếp tục có ban hành Công văn số: 36/CV-TA về việc yêu cầu người bị kiện phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án nhưng đến khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm vẫn chưa nhận được văn bản có ý kiến cũng như các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu.

Ngày 21/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đối với vụ án nêu trên.

- Ông Trần Đức H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chưa xác minh rõ thời gian sử dụng đất của ông Ch đối với từng thửa đất khai phá mới xác định ông Ch sử dụng đất vào năm 1994.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là không phù hợp pháp luật, bởi lẽ Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND chỉ áp dụng cho Luật đất đai năm 2003, còn trường hợp của ông H ban hành Quyết định thu hồi đất vào năm 2016 nên không thể căn cứ vào Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND để giải quyết. Từ

những căn cứ trên, đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải xem xét lại thời gian sử dụng đất của ông H để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H đối với phần đất bị thu hồi theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phùng Quốc B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến trình bày: Việc người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng ông Võ Văn H nhận chuyển nhượng lại phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> của ông Trần Văn Ch sử dụng đất vào năm 1992 vì ông Ch có nhiều thửa đất là không có căn cứ, bởi vì trong biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh chính ông Trần Văn Ch khẳng định ông sử dụng đất vào năm 1994, ngoài phần diện tích đất bị thu hồi do chiếm đất ông không có phần đất nào khác.

Về yêu cầu buộc Ủy ban huyện P phải lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H theo luật đất đai năm 2013 vì đến năm 2016 mới ban hành Quyết định thu hồi đất là không phù hợp vì phần đất của ông H nhận chuyển nhượng lại của ông Ch đã bị thu hồi vào năm 2004 nên không thể áp dụng Luật đất đai năm 2013 để hỗ trợ cho ông H.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân thủ pháp luật Tổ tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có đơn yêu cầu giải vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P chưa chấp hành nghĩa vụ về cung cấp tài liệu, chứng cứ quy định tại Điều 78 của Luật Tổ tụng hành chính mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án. Việc vắng mặt của người bị kiện gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

*Tại Bản án sơ thẩm số 54 ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang:*

Căn cứ quy định tại Điều 74, Điều 93, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H. Hủy toàn bộ Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Võ Văn H theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 54 /2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11/10/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 54 /2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phùng Quốc B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H.

- Ông Trần Đức H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là không phù hợp pháp luật, bởi lẽ Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND chỉ áp dụng cho Luật đất đai năm 2003, còn trường hợp của ông H ban hành Quyết định thu hồi đất vào năm 2016 nên không thể căn cứ vào Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND để giải quyết. Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân thủ pháp luật Tổ tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 54/2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính xét thấy:*

*Về thủ tục tố tụng:*

Đơn kháng cáo của người bị kiện theo đúng quy định về trình tự kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính .

*Về thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 06/10/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 4663/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H, ông H không đồng ý với Quyết định trên nên tiếp tục khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17/6/2016 ông Võ Văn Hạ là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn H nhận được Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông H.

Ông H không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Ngày 06/7/2016 ông H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại. Ông H khởi kiện đối với các Quyết định nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

*Về thẩm quyền giải quyết :*

Việc ông H khởi kiện đối với Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Võ Văn H là đúng theo quy định của pháp luật, đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại khi thu hồi đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

*Về hình thức và nội dung của các Quyết định giải quyết khiếu nại:*

*- Xét tính hợp pháp về hình thức của 02 Quyết định giải quyết khiếu nại:*

Đối với Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại đã ban hành đúng theo mẫu số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- *Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại:*

+ Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại.

+ Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:

Về thời hạn ban hành Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về giải quyết khiếu nại: Các bên đương sự không cung cấp được đơn khiếu nại của ông H và thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trong hồ sơ vụ án, nhưng kể từ thời điểm tổ chức đối thoại để giải quyết khiếu nại đến thời điểm ban hành quyết định là quá thời hạn quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại.

+ Về căn cứ pháp luật của Quyết định số: 4663/QĐ-UBND: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số: 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Đơn khiếu nại ngày 07/4/2014 của ông Võ Văn H.

Về nội dung của Quyết định số: 4663/QĐ-UBND Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P kết luận, qua kết quả xác minh phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> của ông H có nguồn gốc trước đây là của ông Trần Văn Ch khai phá vào năm 1994 sử dụng để trồng đào, đến năm 2004 Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định thu hồi do chiếm đất của Nhà nước, cũng trong năm 2004 ông Ch tách một phần đất chuyển nhượng cho ông Phạm Hồng D, ông D quản lý sử dụng, đến năm 2008 ông D chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn H sử dụng nên việc ông H yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 8.000m<sup>2</sup> không phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, từ năm 2008 ông Võ Văn Hùng là người trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất có diện tích 8.000m<sup>2</sup> có nguồn gốc từ ông Trần Văn Ch nhưng Ủy

ban nhân dân huyện P không thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với ông Võ Văn H.

Ngày 16/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện P mới ban hành Quyết định số: 7430/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Võ Văn H để thực hiện Dự án Khu vườn tổng hợp nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao biển đảo P tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16/01/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H số tiền 432.000.000 đồng căn cứ vào Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Việc Ủy ban nhân dân huyện P áp dụng Quyết định số: 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông H là không phù hợp.

Trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện P phải xây dựng phương án đền bù khi thu hồi đất dựa trên cơ sở pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 74, khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 14 của Quyết định số: 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: “Bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất”, “Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với hệ số điều chỉnh (nếu có) đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi” và áp dụng các chính sách hỗ trợ khác khi thu hồi đất cho ông H (nếu có) theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

+ Về căn cứ pháp luật của Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang áp dụng Khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành là Nghị định số: 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số: 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Luật khiếu nại số: 02/2011/QH12 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Xét đơn khiếu nại ngày 09/11/2015 của ông Võ Văn Hạ (là người được ông Võ Văn H ủy quyền khiếu nại).

Về nội dung của Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào Khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 bác yêu cầu khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, qua kết quả xác minh của Ủy

ban tỉnh xác định phần đất có diện tích 8000m<sup>2</sup> của ông H có nguồn gốc trước đây là của ông Trần Văn Ch khai phá vào năm 1994 sử dụng để trồng đào, trà nhưng đến ngày 16/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 7430/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Võ Văn H để thực hiện Dự án Khu vườn tổng hợp nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao biển đảo P tại ấp R, xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang cho nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào Khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để bác yêu cầu khiếu nại của ông H là chưa phù hợp với luật đất đai năm 2013. Lẽ ra, trong trường hợp này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Võ Văn H, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P xem xét lại thời điểm sử dụng đất của ông H để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H khi thu hồi đất theo quy định của luật đất đai năm 2013.

Ngoài ra tại Công văn số 65TB-UBND ngày 12/5/2017 Ủy ban nhân dân huyện P lại ra thông báo thu hồi đất của ông H để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái V tại xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu ông H có trách nhiệm phối hợp với đoàn công tác ... để lập phương án bồi thường tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện cũng không đưa ra được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số thẩm số 54/2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang là có căn cứ được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính

Bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số thẩm số 54/2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

Căn cứ quy định tại Điều 74, Điều 93, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại; Điều 48 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H. Hủy Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính được khấu trừ 300.000.đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000925 ngày 25 /10/2017 tại cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang,

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009213 ngày 09/10/2017 tại cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .... giờ.....phút, ngày 11 tháng 03 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: 1/ Ông Võ Văn Khoa

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Tiến hành nghị án vụ án hành chính thụ lý số 558/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại”.

1. *Người khởi kiện:* Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1962.

2. *Người bị kiện:*

2. 1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang**

2. 2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết, quyết định các vấn đề của vụ án như sau: Thống nhất 3/3.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính

Bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P tỉnh Kiên Giang kháng cáo đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm số 54/2017/HC-ST ngày 14/ 9/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

Căn cứ quy định tại Điều 74, Điều 93, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H. Hủy Quyết định số: 4663/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 1291/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Về án phí hành chính phúc thẩm :

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000925 ngày 25 /10/2017 tại cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009213 ngày 09/10/2017 tại cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Biên bản nghị án kết thúc lúc .....giờ ....phút cùng ngày đã được đọc cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, xem lại và đồng ý ký tên.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Khoa**

**Trần Thị Hòa Hiệp**

**Hoàng Thanh Dũng**